

Số: **5505** /TTr-UBND

Quảng Trị, ngày **01** tháng **12** năm 2020

TỜ TRÌNH

V/v Đề nghị điều chỉnh Nghị quyết Phê chuẩn quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; Quyết toán thu, chi ngân sách địa phương tỉnh Quảng Trị năm 2018

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị
Khóa VII - kỳ họp thứ 19

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước; Thông tư 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VII kỳ họp thứ 6 về dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương năm 2018;

Ngày 06/12/2019, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 32/NQ-HĐND về việc phê chuẩn quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, quyết toán thu, chi ngân sách địa phương tỉnh Quảng Trị năm 2018;

Thực hiện Công văn số 2169/BTC-NSNN ngày 28/02/2020 của Bộ Tài chính về việc rà soát quyết toán ngân sách nhà nước năm 2018; KBNN Quảng Trị có văn bản số 142/KBQT-KTNN ngày 12/3/2020 và số 212/KBQT-KTNN ngày 21/4/2020 về việc giải trình số thu viện trợ từ ngân sách Trung ương năm 2018 (sao gửi kèm).

Sau khi xác định đúng nguồn viện trợ và hạch toán điều chỉnh, nguồn thu viện trợ ngân sách Trung ương là 1.901 triệu đồng, tăng 1.204 triệu đồng so với số đã tổng hợp quyết toán năm 2018 được HĐND tỉnh phê chuẩn là 697 triệu đồng, dẫn đến tổng nguồn thu NSNN năm 2018 tăng 1.204 triệu đồng.

Nguyên nhân: Kho bạc Nhà nước Quảng Trị xác định hạch toán nhầm nguồn ghi thu ghi chi vốn viện trợ thành vốn vay nên không hạch toán đồng thời bút toán ghi thu viện trợ ngân sách Trung ương.

Theo đó, Tổng nguồn thu NSNN trên địa bàn năm 2018 sau điều chỉnh là 4.773.279 triệu đồng¹, trong đó thu cân đối ngân sách nhà nước trên địa bàn:

¹ Số đã phê chuẩn là 4.772.075 triệu đồng – chi tiết theo biểu số 50 kèm theo tại Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh

2.727.435 triệu đồng, tăng 1.204 triệu đồng. (Số đã phê chuẩn tại Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của Hội đồng nhân dân là 2.726.231 triệu đồng).

Để có cơ sở Phê chuẩn số liệu quyết toán ngân sách nhà nước năm 2018 của tỉnh Quảng Trị sau khi điều chỉnh; UBND tỉnh kính đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh Nghị quyết, cụ thể như sau:

Nội dung đã phê chuẩn tại Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 06/12/2019:

"1. Thu cân đối ngân sách nhà nước trên địa bàn: 2.726.231 triệu đồng."

Đề nghị điều chỉnh:

"1. Thu cân đối ngân sách nhà nước trên địa bàn: **2.727.435 triệu đồng (tăng 1.204 triệu đồng)**

Đồng thời thay thế biểu số 50 kèm theo Nghị quyết

Các nội dung còn lại giữ nguyên như Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

UBND tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh Nghị quyết số 32/NQ-HĐND tỉnh ngày 06/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê chuẩn quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, quyết toán thu, chi ngân sách địa phương tỉnh Quảng Trị năm 2018.

(Dự thảo Nội dung Nghị quyết điều chỉnh và biểu số 50 gửi kèm theo)

UBND tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, phê chuẩn./

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Lưu: VT, TM.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Võ Văn Hưng



**QUYẾT TOÁN NGUỒN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN
THEO LĨNH VỰC NĂM 2018**

(Kèm theo Tờ trình số: **3305** /TTr-UBND ngày **01** tháng **12** năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG NGUỒN THU NSNN (A+B+C+D)	2.597.000	1.984.820	4.773.279	4.231.249	184%	213%
A	TỔNG THU CÂN ĐỐI NSNN	2.597.000	1.984.820	2.727.435	2.185.405	105%	110%
I	Thu nội địa	2.295.000	1.984.820	2.380.119	2.143.633	104%	108%
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý	210.000	210.000	180.777	180.777	86%	86%
1.1	Thuế giá trị gia tăng	177.000	177.000	142.328	142.328	80%	80%
1.2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.000	12.000	12.234	12.234	102%	102%
1.3	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	0	0	0	0		
1.4	Thuế tài nguyên	21.000	21.000	26.215	26.215	125%	125%
1.5	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước, mặt biển		0				
1.6	Thu khác		0				
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý (2)	82.000	82.000	94.785	94.785	116%	116%
2.1	Thuế giá trị gia tăng	68.600	68.600	79.903	79.903	116%	116%
2.2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.000	10.000	13.251	13.250	133%	133%
2.3	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	600	600	212	212	35%	35%
2.4	Thuế tài nguyên	2.800	2.800	1.420	1.420	51%	51%
2.5	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước, mặt biển						
2.6	Thu từ thu nhập sau thuế						
2.7	Thu khác						
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	14.000	14.000	14.839	14.839	106%	106%
3.1	Thuế giá trị gia tăng	3.000	3.000	8.258	8.258	275%	275%
3.2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.000	11.000	6.581	6.581	60%	60%
3.3	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước						

STT	Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
3.4	Thuế tài nguyên						
3.5	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước, mặt biển						
3.6	Thu khác						
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	779.500	779.500	716.973	716.973	92%	92%
4.1	Thuế giá trị gia tăng	488.200	488.200	503.081	503.081	103%	103%
4.2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	70.600	70.600	46.257	46.257	66%	66%
4.3	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	177.100	177.100	134.880	134.880	76%	76%
4.4	Thuế tài nguyên	35.200	35.200	32.755	32.755	93%	93%
4.5	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước, mặt biển		0				
4.6	Thu khác	8.400	8.400	0	0		
5	Thuế thu nhập cá nhân	78.000	78.000	74.756	74.756	96%	96%
6	Thuế bảo vệ môi trường	397.500	147.870	242.457	89.255	61%	60%
-	<i>Thuế BVMT thu từ hàng hóa sản xuất, kinh doanh trong nước</i>	147.870	147.870	89.255	89.255	60%	60%
-	<i>Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu</i>	249.630		153.202		61%	
7	Lệ phí trước bạ	127.000	127.000	139.490	139.490	110%	110%
8	Thu phí, lệ phí	74.000	60.000	61.652	42.681	83%	71%
-	<i>Phí và lệ phí trung ương</i>	14.000		18.783		134%	
-	<i>Phí và lệ phí tỉnh</i>	36.280	36.280	18.305	18.305	50%	50%
-	<i>Phí và lệ phí huyện</i>			18.730	18.730	79%	79%
-	<i>Phí và lệ phí xã, phường</i>	23.720	23.720	5.649	5.649		
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	30	30	182	182	605%	605%
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	3.645	3.645	4.861	4.861	133%	133%
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	17.085	17.085	21.394	21.394	125%	125%
12	Thu tiền sử dụng đất	370.000	370.000	607.170	607.170	164%	164%
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	0	0	144	144		

STT	Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
14	Thu từ hoạt động xố số kiến thiết	35.000	35.000	34.109	34.109	97%	97%
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	13.240	8.690	20.094	10.921	152%	126%
	<i>Trong đó: - Giấy phép do Trung ương cấp</i>	6500	1.950			0%	0%
	<i>- Giấy phép do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp</i>	6740	6.740			0%	0%
16	Thu khác ngân sách	80.000	38.000	138.895	83.754	174%	220%
	<i>Trong đó: - Thu khác ngân sách trung ương</i>	42.000				0%	
	Thu tiền phạt (không kể phạt ATGT, phạt tại xã)			22.805	7.380		
	Thu phạt ATGT			36.563	683		
	Thu tịch thu (không kể tịch thu tại xã)			10.000	6.687		
	<i>Tr.đó: Tịch thu chống lậu</i>						
	Thu tiền bán hàng hoá vật tư dự trữ			0	0		
	Thu bán, cho thuê tài sản			0	0		
	Thu thanh lý nhà làm việc			763	718		
	Thu tiền cho thuê quầy bán hàng			35.218	35.218		
	Thu hồi các khoản chi năm trước			25.939	25.740		
	Thu khác còn lại (không kể thu khác tại xã)			7.607	7.328		
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	8.000	8.000	10.677	10.677	133%	133%
18	Thu hồi vốn, thu cổ tức						
19	Lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	6.000	6.000	16.864	16.864		
20	Chênh lệch thu chi Ngân hàng Nhà nước						
II	Thu từ dầu thô						
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	302.000	0	303.766	123	101%	
1	Thuế xuất khẩu	50.000		81.383		163%	
2	Thuế nhập khẩu	50.500		8.547		17%	
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu	32.500		1.355		4%	

STT	Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
4	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu	0		105			
5	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu	169.000		207.393		123%	
6	Phí và lệ phí khác hải quan			0			
7	Thu khác			4.983	123		
IV	Thu viện trợ			1.901	0		
V	Thu từ huy động, đóng góp			41.649	41.649		
B	THU TỪ QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH						
C	THU KẾT DƯ NĂM TRƯỚC			397.206	397.206		
D	THU CHUYỂN NGUỒN TỪ NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG			1.648.638	1.648.638		

BỘ TÀI CHÍNH

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2169 /BTC-NSNN
V/v rà soát quyết toán ngân
sách nhà nước năm 2018

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2020

SỞ TÀI CHÍNH TỈNH QUẢNG TRỊ	
ĐẾN	Số: 2169
	Ngày: 04/3/20
	Chuyên: <i>Ưng</i>
	Lưu hồ sơ số: Bộ Tài

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Bộ Tài chính nhận được báo cáo quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, quyết toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2018 của tỉnh Quảng Trị và Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước năm 2018; căn cứ quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thực hiện, Bộ Tài chính sẽ tổng hợp quyết toán ngân sách của Tỉnh để báo cáo Chính phủ trình Quốc hội phê chuẩn; đồng thời, có một số ý kiến, đề nghị như sau:

1. Tổng thu cân đối ngân sách nhà nước là 2.726.810 triệu đồng, do số thu viện trợ NSTW hạch toán cao hơn 579 triệu đồng so với địa phương báo cáo. Vì vậy, đề nghị Tỉnh tổng hợp đầy đủ khoản thu viện trợ vào thu NSNN.
2. Kết dư ngân sách địa phương là 497.595 triệu đồng; không kể bội thu là 73.855 triệu đồng, kết dư NSĐP là 571.450 triệu đồng, bằng số địa phương phê chuẩn quyết toán NSNN năm 2018.
3. Đối với việc thực hiện kết luận của KTNN:

Đối với quyết toán ngân sách năm 2017: Tỉnh Quảng Trị đã thực hiện các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước đạt 93%. Vì vậy, đề nghị Ủy ban nhân dân Tỉnh chỉ đạo các cơ quan liên quan tiếp tục thực hiện các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước tại các văn bản có liên quan và đề nghị của Bộ Tài chính tại Văn bản số 12344/BTC-KBNN ngày 16/10/2019; đồng thời có báo cáo kết quả thực hiện gửi về Bộ Tài chính và Kiểm toán Nhà nước.

Bộ Tài chính thông báo để Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị biết và chỉ đạo các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện. Đối với các nội dung cần giải trình, thuyết minh đề nghị gửi báo cáo về Bộ Tài chính (Vụ Ngân sách nhà nước) trước ngày 06/3/2020. /r

Nơi nhận:

- Như trên;
- STC tỉnh Quảng Trị; ✓
- KBNN Quảng Trị;
- KBNN;
- Lưu: VT, NSNN (6b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



*** Đỗ Hoàng Anh Tuấn**

KHO BẠC NHÀ NƯỚC
KHO BẠC NHÀ NƯỚC QUẢNG TRỊ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142 /KBQT-KTNN
V/v giải trình số thu viện trợ từ
NSTW năm 2018.

Quảng Trị, ngày 12 tháng 03 năm 2020

SỞ TÀI CHÍNH TỈNH QUẢNG TRỊ	
ĐẾN	Số: 2890
	Ngày: 13/3/20
Chuyên	Thực hiện
Lưu hồ sơ	

Kính gửi: Sở Tài chính tỉnh Quảng Trị.

Thực hiện công văn số 2169/BTC-NSNN ngày 28/2/2020 của Bộ Tài chính về việc rà soát quyết toán Ngân sách nhà nước năm 2018, KBNN Quảng Trị giải trình số viện trợ từ NSTW năm 2018 như sau:

Số liệu tổng thu NSNN năm 2018 (đến ngày 21/10/2019) cung cấp cho Sở tài chính là: 13.993.544.552.852đ; số liệu Quyết toán NSNN năm 2018 (sau thời điểm 30/11/2019) là 13.994.123.732.552đ, như vậy số liệu quyết toán chênh lệch lớn hơn số liệu đã cung cấp là: 579.179.700đ.

Nguyên nhân của chênh lệch số liệu nêu trên là do KBNN Quảng Trị (KBNN Đakrông) xác định hạch toán nhằm nguồn ghi thu ghi chi vốn viện trợ thành vốn vay nên không hạch toán đồng thời bút toán ghi thu viện trợ. Sau thời điểm cung cấp báo cáo cho Sở Tài chính, đơn vị rà soát phát hiện và điều chỉnh từ vốn vay sang vốn viện trợ đồng thời hạch toán bổ sung bút toán ghi thu vốn viện trợ NSTW, dẫn đến tăng số liệu quyết toán thu NSTW là 579.179.700 đồng.

Trên đây là giải trình của KBNN Quảng Trị, đề nghị Sở tài chính phối hợp tổng hợp trình Bộ.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KTNN. (2b) *uu*

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Đoàng Văn Hoá



KHO BẠC NHÀ NƯỚC
KHO BẠC NHÀ NƯỚC QUẢNG TRỊ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Trị, ngày 21 tháng 04 năm 2020

Số 212/KBQT-KTNN

SỞ TÀI CHÍNH VÀ GIẢI TRÌNH SỐ THU VIỆN TRỢ TỪ NSTW năm 2018.

Số: 425b.....

Ngày: 23/4.....

Kính gửi: Sở Tài chính tỉnh Quảng Trị

Chuyển: QLN.....

Lưu hồ sơ số: Qua công tác rà soát thẩm định quyết toán ngân sách nhà nước năm 2018 của

Kho bạc Nhà nước, số liệu quyết toán thu Ngân sách trung ương có sự thay đổi, KBNN Quảng Trị giải trình số liệu chênh lệch quyết toán 2018 như sau:

Số liệu quyết toán thu NSNN năm 2018 (sau thời điểm 30/11/2019) đã gửi cho Sở Tài chính: là 13.994.123.732.552đ; số liệu quyết toán thu NSNN năm 2018 (đến thời điểm 01/3/2020) là: 13.994.749.050.652đ, như vậy số liệu quyết toán đến thời điểm 01/3/2020 chênh lệch lớn hơn số liệu đã cung cấp là 625.318.100đ

Nguyên nhân của chênh lệch số liệu nêu trên là do KBNN Quảng Trị xác định hạch toán nhầm nguồn ghi thu ghi chi vốn viện trợ thành vốn vay nên không hạch toán đồng thời bút toán ghi thu viện trợ. Tháng 2/2020, KBNN Trung ương rà soát thẩm định quyết toán ngân sách nhà nước năm 2018 phát hiện số liệu nguồn vốn vay ngoài nước theo hình thức ghi thu ghi chi đối chiếu với Bộ Tài nguyên môi trường có phát sinh chênh lệch, do đó KBNN Quảng Trị đã kiểm tra và điều chỉnh từ vốn vay sang vốn viện trợ đồng thời hạch toán bổ sung bút toán ghi thu vốn viện trợ NSTW, dẫn đến tăng số liệu quyết toán thu NSTW là 625.318.100đ.

Cụ thể các dự án sau:

+ Văn phòng KBNN tỉnh: Dự án “Lồng ghép bảo tồn đa dạng sinh học, thích ứng với biến đổi khí hậu và quản lý rừng bền vững cảnh quan Trung Trường Sơn Việt nam”- mã ĐVQHNS 1115441, số tiền 485.250.600đ

+ KBNN Đakrông: Ban quản lý bảo tồn thiên nhiên Đakrông - mã ĐVQHNS 1063463, số tiền: 140.067.500đ

Trên đây là giải trình của KBNN Quảng Trị, đề nghị Sở Tài chính tổng hợp bổ sung vào số liệu quyết toán 2018 trình Bộ Tài chính. / / ml

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, KTNN. (21/201) 2020

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Hoàng Văn Hóa



Số: /NQ-HĐND

Quảng Trị, ngày tháng 12 năm 2020

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Về Phê chuẩn điều chỉnh quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn,
quyết toán thu, chi ngân sách địa phương tỉnh Quảng Trị năm 2018**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ
KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ 19**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ Ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hàng năm;

Căn cứ các Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VII kỳ họp thứ 6 về dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương năm 2018; số 18/NQ-HĐND ngày 08/12/2018 về phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước tỉnh Quảng Trị năm 2017;

Sau khi xem xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 11 năm 2020 của UBND tỉnh về việc đề nghị Phê chuẩn báo cáo điều chỉnh quyết toán thu ngân sách Nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2018; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế ngân sách HĐND tỉnh và ý kiến của đại biểu HĐND tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn điều chỉnh quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, quyết toán thu, chi ngân sách địa phương tỉnh Quảng Trị năm 2018 với các nội dung như sau:

1. Thu cân đối ngân sách nhà nước trên địa bàn 2.727.436 triệu đồng (số đã phê chuẩn 2.726.231 triệu đồng, tăng 1.204 triệu đồng).

(Thay thế biểu số 50 của Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh, có biểu kèm theo Nghị quyết)

- Các nội dung còn lại giữ nguyên như Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 2.

1. Giao Ủy ban nhân tỉnh công khai điều chỉnh quyết toán ngân sách Nhà nước tỉnh Quảng Trị năm 2018 và triển khai thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân, các tổ chức đại biểu Hội đồng nhân dân, địa biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị Khóa VII, kỳ họp thứ 19 thông qua ngày tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Bộ KHĐT, Bộ Tài chính;
- TVTU, TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh, TAND, VKSND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND cấp huyện;
- ĐB HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đăng Quang